

Bản án số: 15/2023/HS-ST

Ngày 12/10/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC - QUÂN KHU 1

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: 1// Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Nguyễn Ngọc Nhân.

1// Lê Đăng Thường.

Thư ký phiên toà: 3/ Lê Văn Thanh, Thư ký Toà án quân sự Khu vực - Quân khu 1.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11 tham gia phiên toà: 1// Giáp Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Lê Anh T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 14/11/1995 tại thị trấn NB, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; nơi ở của gia đình: TDP X, thị trấn NB, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 1/ CN, Nhân viên tài chính, TĐ1, LĐ2, QĐa; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; có vợ là Cao Thị H2, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/3/2023 đến ngày 31/3/2023, tạm giam từ ngày 01/4/2023 đến nay, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Quân khu 1; có mặt.

2. **Nguyễn Thị C**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 30/9/1999 tại xã PS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn PK, xã PS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1969 và bà Đỗ Thị B, sinh năm 1972; không có chồng, có 01 con sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 26/02/2019 bị Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt

tạm giữ từ ngày 23/3/2023 đến ngày 31/3/2023, tạm giam từ ngày 01/4/2023 đến nay, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Quân khu 1; có mặt.

3. **Đỗ Ngọc S**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 31/5/2000 tại thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: TDP Y, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1968; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/3/2023 đến ngày 31/3/2023, tạm giam từ ngày 01/4/2023 đến nay, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Quân khu 1; có mặt.

4. **Trương Trường G**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 15/8/2001 tại thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: TDP Z, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Thành C, sinh năm 1978 và bà Đặng Thị D, sinh năm 1982; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/3/2023 đến ngày 31/3/2023, tạm giam từ ngày 01/4/2023 đến nay, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Quân khu 1; có mặt.

5. **Sông Thị Đ**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10/5/2005 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 22/3/2023 bị cáo 17 tuổi 10 tháng 12 ngày) tại xã MH, huyện SM, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản BH, xã MH, huyện SM, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sông A C, sinh năm 1982 và bà Thọ Thị K, sinh năm 1988; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/3/2023 đến ngày 31/3/2023, tạm giam từ ngày 01/4/2023 đến nay, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Quân khu 1; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hoàng Trọng N và ông Thân Văn L, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang bào chữa cho bị cáo Sông Thị Đ; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Văn Đ; sinh ngày 19/6/1987; nghề nghiệp: Nhân viên khách sạn SM; nơi cư trú: Thôn C, xã TS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Nguyễn Văn H; sinh ngày 05/11/1995; nghề nghiệp: Quản lý khách sạn SM; nơi cư trú: TDP TX, thị trấn ĐN, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3. Đặng Thị D; sinh năm 1982; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: TDP Z, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

4. Đỗ Thị Quỳnh T; sinh năm 2003; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: TDP Y, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

5. Vi Thị N; sinh ngày 24/12/2005; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn TV, xã TT, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. NLC1; có mặt.
2. NLC2; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 22/3/2023, Lê Anh T cùng một số người khác hát karaoke tại quán HS thuộc thôn S, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Khi hát có nhân viên phục vụ là Nguyễn Thị C, Lý Thị H3. Đến khoảng 16 giờ T rủ C đi thuê khách sạn để sử dụng ma túy, thấy C đồng ý T đi đến khu vực cầu S, xã BĐ mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy MDMA với giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T đưa cho C để mang đến khách sạn cùng sử dụng rồi cùng C rời khỏi quán hát. Trên đường đi, do nhận thấy lượng ma túy mua được không đủ để sử dụng nên T bảo C mua giúp thêm ma túy. Theo yêu cầu của T, C dùng điện thoại liên hệ với Đỗ Ngọc S mua 02 chỉ ma túy Ketamine và 01 viên ma túy MDMA với giá 3.050.000 đồng. Tiền mua ma túy được T thanh toán cho S bằng cách chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của T đến tài khoản ngân hàng của S, sau khi mua được ma túy T dùng điện thoại liên hệ rủ NLC1 cùng đi sử dụng. Sau khi C hỏi mua ma túy do không có đủ lượng ma túy MDMA mà C đặt mua nên S dùng điện thoại liên hệ với Trương Trường G hỏi mua 02 viên ma túy MDMA với giá 900.000 đồng và nhờ G mang đến cho Sông Thị Đ, G điều khiển xe mô tô biển số 98F1-371.34 mang theo 02 viên ma túy MDMA đến nhà trọ của S đưa cho Đ, tiền mua ma túy được S thanh toán cho G bằng cách chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của S đến tài khoản ngân hàng của G làm 02 lần, mỗi lần 450.000 đồng. Do không có ở nhà trọ nên S dùng điện thoại liên hệ và bảo Sông Thị Đ lấy 02 chỉ ma túy Ketamine S để trong con gấu bông tại phòng ngủ và 01 viên ma túy MDMA Trương Trường G sẽ đem đến đưa cho Đ, khi nào C đến thì đưa ma túy cho C. Đ dùng tờ giấy vệ sinh bọc 02 chỉ ma túy Ketamine và 01 viên ma túy MDMA đưa cho C, C cầm ma túy rồi cùng T đi về phòng trọ của mình thay quần áo, lấy loa nghe nhạc và cho số ma túy T đã đưa khi ở quán hát để vào túi xách, sau đó quay lại phòng trọ của S mượn một chiếc đèn chớp rồi đi đến khách sạn SM thuộc thôn D, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang thuê phòng để sử dụng ma túy. Trên đường đi T bảo C gọi thêm 01 nhân viên nữ để cùng sử dụng ma túy, C dùng điện thoại liên hệ rủ NLC2 là nhân viên phục vụ quán hát do S quản lý đến phục vụ khách và cùng sử dụng ma túy. Khoảng 17 giờ 30 phút, T cùng C đến khách sạn SM, khi đến nơi T vào thuê phòng rồi hỏi mượn nhân viên lễ tân là Nguyễn Văn Đ 01 đĩa sứ, 01 loa nghe nhạc. Khi vào phòng C lấy số ma túy đã mua của Đỗ Ngọc S ra để sử dụng, T lấy 01 viên ma túy MDMA bẻ làm đôi rồi dùng một phần bằng cách cho vào miệng nuốt, phần còn lại T bẻ tiếp làm đôi đưa cho C sử dụng một phần, phần còn lại T để ở trên mặt bàn. Sau khi

sử dụng ma túy MDMA, C cầm đĩa sứ vào phòng vệ sinh hơi nóng rồi đồ 01 gói ma túy Ketamine ra đĩa, lấy thẻ ATM của T đưa cho đảm nhuyễn rồi chia nhỏ phần ma túy Ketamine trên thành 02 đường thẳng, lúc này T sử dụng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng do C đưa quần thành một ống hút. Sau khi chuẩn bị ma túy xong, C và T cùng nhau sử dụng bằng cách dùng ống hút hít vào mũi. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi NLC1 đến, T lấy phần ma túy MDMA còn lại ở trên mặt bàn đưa cho NLC1 sử dụng. Trong quá trình sử dụng, do thấy lượng ma túy còn lại không đủ dùng nên T bảo C mua thêm 01 viên ma túy MDMA, C tiếp tục liên hệ với Đỗ Ngọc S mua thêm 01 viên ma túy với giá 450.000 đồng và nói với S khi nào NLC2 đến thì bảo NLC2 mang đến cho C, số tiền mua ma túy được T thanh toán cho S bằng cách chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Trước khi NLC2 đi đến chỗ C, S đã để 01 viên ma túy vào túi xách của NLC2, khi NLC2 gọi điện hỏi số điện thoại của C thì S bảo NLC2 đã để viên ma túy trong túi xách khi nào đến thì đưa cho C. Khoảng 19 giờ cùng ngày, NLC2 đến khách sạn SM. Khi vào trong phòng, NLC2 đưa cho C viên ma túy mà S đã để vào trong túi xách, T bảo C đưa ma túy MDMA vừa mang đến cho NLC2 sử dụng, C bẻ viên ma túy làm 02 phần, đưa 01 phần cho NLC2 sử dụng, phần còn lại do sợ rơi mất nên C gói vào giấy vệ sinh để vào trong túi xách của mình. Sau khi sử dụng ma túy MDMA, NLC2 tự sử dụng 02 đường và đưa cho NLC1 sử dụng 02 đường ma túy Ketamine. Để chuẩn bị cho những lượt sử dụng ma túy tiếp theo, C bảo NLC2 mang gói ma túy Ketamine thứ hai đi xào, NLC2 cầm gói ma túy nhờ NLC1 bóc đồ ra đĩa rồi nằm nghỉ trên giường cùng NLC1. Đến 19 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Lê Anh T, Nguyễn Thị C, NLC2, NLC1 đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tiến hành thu giữ 01 đĩa sứ trên mặt đĩa đựng chất tinh thể màu trắng; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Anh T; 02 túi nilon màu trắng bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng; 01 đoạn ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng gắn 03 đầu lọc thuốc lá, bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng; thu giữ của Nguyễn Thị C 01 túi xách màu đen bên trong có 01 mảnh viên nén màu nâu và 01 túi nilon màu trắng bên trong đựng chất bột màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax; thu giữ của Lê Anh T 01 ví da màu nâu bên trong có 153.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone Xs và 01 điện thoại Iphone 14 Pro; thu giữ của NLC1 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 4.664.000 đồng, 01 căn cước công dân mang tên NLC1, 01 điện thoại SamsungGalaxy S10, 01 điện thoại Iphone 12 ProMax; thu giữ của NLC2 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại Iphone7Plus; thu giữ 01 loa nhãn hiệu Bose, 01 loa nhãn hiệu KaSinua, 01 đèn chớp. Tiến hành khám xét nơi ở của Đỗ Ngọc S, thu giữ 01 túi nilon màu cam bên trong đựng 01 viên nén màu nâu; 01 con gấu bông bên trong chứa 02 túi nilon đựng chất tinh thể màu trắng; trong túi quần bò nam bên trái, phía trước thu giữ 01 chiếc tất chân màu trắng đựng 01 túi nilon màu trắng, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng; 01 chiếc tất chân màu trắng, bên trong đựng 09 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng; thu giữ của Đỗ Ngọc S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, 01 điện thoại Iphone 5S; thu giữ của Sông Thị Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Iphone 6S Plus; ngoài ra tiến hành thu giữ 01 quần bò, 01 con gấu bông. Tiến hành khám xét nơi ở và thu giữ của Trương Trường G 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 01 xe mô tô biển số 98F1-371.34 kèm theo đăng ký xe.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Anh T khai: Khoảng 16 giờ ngày 22/3/2023, khi đang hát karaoke bị cáo nảy sinh ý định và rủ Nguyễn Thị C đi thuê phòng để sử dụng ma túy, bị cáo đi đến khu vực Cầu S mua của một người không quen biết 01 gói ma túy kẹo với giá 200.000 đồng rồi quay trở lại quán hát đưa gói ma túy cho C để mang đến khách sạn SM cùng sử dụng. Trên đường đi, bị cáo dùng điện thoại liên hệ và rủ NLC1 cùng đi sử dụng ma túy, do thấy số ma túy vừa mua không đủ nên bị cáo bảo C mua giúp 02 chỉ ma túy ke, 01 viên ma túy kẹo với giá 3.050.000, số tiền mua ma túy được bị cáo trả bằng cách chuyển từ tài khoản ngân hàng của mình đến tài khoản ngân hàng do C cung cấp mang tên Đỗ Ngọc S. Sau khi thanh toán tiền xong, bị cáo và C đi đến chỗ ở của S lấy ma túy rồi về phòng trọ của C để C thay quần áo, lấy loa nghe nhạc. Đến khoảng 17 giờ 30 phút, bị cáo cùng C đến khách sạn SM, bị cáo vào thuê phòng 508 và hỏi lễ tân mượn một đĩa sứ, một loa nghe nhạc, khi mượn bị cáo nói với lễ tân là để nghe nhạc và đựng hoa quả. Khi vào phòng, bị cáo lấy viên ma túy kẹo bẻ làm đôi rồi dùng một phần bằng cách cho vào miệng nuốt, phần còn lại bị cáo bẻ tiếp làm đôi đưa cho C sử dụng một phần, phần còn lại để trên bàn trong phòng nghỉ. Sau khi sử dụng ma túy kẹo, C và bị cáo cùng chuẩn bị ma túy ke để tiếp tục sử dụng. Chuẩn bị xong, C dùng thẻ ATM của bị cáo đưa chia nhỏ phần ma túy ke trên đĩa thành 02 đường đưa cho bị cáo sử dụng bằng cách dùng ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng hít vào mũi, C tiếp tục kẻ thêm 02 đường ke nữa rồi tự sử dụng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút thì NLC1 đến, thấy NLC1 đến bị cáo lấy phần ma túy kẹo còn lại đưa cho NLC1 sử dụng. Do thấy lượng ma túy còn lại không đủ dùng, nên bị cáo lại bảo C mua thêm 01 viên ma túy kẹo với giá 450.000 đồng và nhắc C gọi thêm 01 nhân viên nữ nữa đến cùng sử dụng ma túy. Sau đó NLC2 đến và đưa cho C 01 viên ma túy kẹo, bị cáo bảo C đưa viên ma túy này cho NLC2 sử dụng, C bẻ viên ma túy thành 02 phần, 01 phần đưa cho NLC2 sử dụng, phần còn lại C để vào trong túi xách. Sau khi sử dụng ma túy kẹo, NLC2 tiếp tục sử dụng ma túy ke, do phê ma túy nên bị cáo nằm nghỉ và nghe nhạc. Đến khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, bắt giữ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị C khai: Lời khai của bị cáo T là đúng, khoảng 14 giờ ngày 22/3/2023 khi đang hát karaoke thì T rủ bị cáo đi sử dụng ma túy nên bị cáo đồng ý, T đi ra ngoài một lúc thì quay lại và đưa cho bị cáo một gói nilon màu trắng và bảo bị cáo mang đến khách sạn để sử dụng, bị cáo để gói ma túy vào trong áo ngực bên trái, sau đó T nhờ bị cáo mua thêm ma túy và gọi thêm nhân viên nữ đến cùng sử dụng ma túy, bị cáo đã liên hệ với Đỗ Ngọc S đặt mua 02 chỉ ma túy ke và 01 viên ma túy kẹo với giá 3.050.000 đồng, bị cáo bảo T chuyển tiền qua tài khoản cho S rồi cùng T đi xe taxi đến nhà trọ của S để lấy ma túy, khi tới nơi bị cáo gặp Sông Thị Đ, Đ đưa cho bị cáo một bọc giấy đựng 02 chỉ ma túy ke và 01 viên ma túy kẹo, bị cáo cầm đứt vào trong áo ngực bên trái rồi lên xe taxi đi về phòng trọ thay quần áo, lấy loa, đèn, do khi

đó gói ma túy trước đó T đưa bị cáo cất vào áo ngực bị hở ra nên bị cáo mượn túi sách của N để tại phòng trọ cho gói ma túy này vào trong túi sách đi đến chỗ S mượn đèn chớp rồi cùng T đi đến khách sạn SM để sử dụng ma túy. Khi đến nơi, T vào thuê phòng 508, khi vào phòng bị cáo bỏ bọc ma túy đã mua của S ra thì T lấy viên ma túy kẹo bẻ làm đôi tự sử dụng một nửa, còn một nửa T bẻ làm đôi đưa cho bị cáo dùng một phần, phần còn lại T để ở mặt tủ gỗ cạnh giường, sau khi sử dụng ma túy kẹo T bảo bị cáo xào ma túy ke, bị cáo cầm đĩa đi vào nhà vệ sinh hơi nóng, bóc 01 chỉ ma túy ke đổ ra đĩa rồi dùng thẻ ATM của T đảo đi đảo lại, trong khi xào ke bị cáo đưa cho T một tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng để cuốn ống hút, sau khi xào ke xong bị cáo kẻ 02 đường ke cho T sử dụng và 02 đường ke bị cáo tự sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy ke, T nhờ bị cáo mua thêm 01 viên ma túy kẹo, bị cáo tiếp tục liên hệ với Đỗ Ngọc S hỏi mua thêm 01 viên ma túy kẹo với giá 450.000 đồng và bảo S cho NLC2 đi làm cùng bị cáo, số tiền mua ma túy được T chuyển khoản cho S. Khoảng 18 giờ 30 cùng ngày NLC1 đến, sau khi NLC1 vào phòng T lấy phần ma túy kẹo ở mặt tủ gỗ đưa cho NLC1 sử dụng, sau đó NLC1 nằm ở giường bên cạnh để nghe nhạc. Khoảng 19 giờ cùng ngày NLC2 đi taxi đến khách sạn, bị cáo bảo NLC1 đưa cho 250.000 đồng để trả tiền taxi cho NLC2, khi vào phòng NLC2 đưa cho bị cáo bọc giấy vệ sinh chứa 01 viên ma túy kẹo, T bảo bị cáo đưa ma túy kẹo cho NLC2 sử dụng, bị cáo bẻ viên ma túy kẹo thành 02 phần, đưa một phần cho NLC2 sử dụng, phần còn lại do sợ rơi mất nên bị cáo gói vào giấy vệ sinh cất vào túi xách. Sau khi sử dụng ma túy kẹo, NLC2 tự sử dụng 02 đường ma túy ke, bị cáo tiếp tục kẻ thêm 04 đường ke nữa và tự dùng hết 02 đường, còn 02 đường bị cáo bảo NLC2 đưa cho NLC1 sử dụng. Sau khi sử dụng hết ma túy ke ở gói thứ nhất, để chuẩn bị ma túy cho các lần sử dụng sau nên bị cáo bảo NLC2 mang gói ma túy ke thứ 2 đi xào, do đang phê ma túy nên bị cáo nằm nghỉ trên giường cùng T. Đến 19 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Công an kiểm tra phát hiện.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đỗ Ngọc S khai: Khoảng 16 giờ ngày 22/3/2023 C liên hệ với bị cáo qua Messenger bằng tài khoản facebook “Chinh khênh” với tài khoản facebook của bị cáo là “Ngọc Sơn” hỏi mua 03 chỉ ma túy ke và 02 viên ma túy kẹo, nhưng sau đó C bảo chỉ lấy 02 chỉ ma túy ke và 01 viên ma túy kẹo. Do không có đủ số ma túy kẹo mà C hỏi mua nên bị cáo gọi điện hỏi mua của Trương Trường G 02 viên ma túy kẹo với giá 900.000 đồng và bảo G mang sang đưa cho Sông Thị Đ là người yêu của bị cáo do lúc đó bị cáo không có ở nhà. Bị cáo gọi điện thoại cho Đ nói khi nào C đến thì lấy 02 chỉ ma túy ke để trong con gấu bông tại phòng ngủ của bị cáo và 01 viên ma túy kẹo do G mang đến đưa cho C. Đến khoảng 18 giờ ngày 22/3/2023, C lại điện thoại cho bị cáo hỏi mua thêm 01 viên ma túy kẹo và nói cho NLC2 là nhân viên do bị cáo quản lý đi làm cùng C. Bị cáo nói với C khi NLC2 đi sẽ mang ma túy đến cho C, khi NLC2 thay quần áo bị cáo để 01 viên ma túy kẹo bọc trong giấy vệ sinh vào túi xách của NLC2, ban đầu bị cáo không nói cho NLC2 biết, khi NLC2 gọi điện hỏi số điện thoại của C thì bị cáo nói với NLC2 đem viên ma túy bị cáo để trong túi xách đưa cho C. Lần 01 bị cáo bán cho C được số tiền 3.050.000 đồng, lần 2 là 450.000 đồng. Cả 02 lần số tiền C mua ma túy đều được thanh toán qua tài

khoản ngân hàng mang tên bị cáo. Sau khi C thanh toán tiền, bị cáo đã thanh toán cho G 02 lần mỗi lần 450.000 đồng. Số ma túy bị thu giữ tại chỗ ở của bị cáo và số ma túy đã bán cho C là do bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết ở huyện VY, tỉnh Bắc Giang vào ngày 17/3/2023 và ngày 20/3/2023 với giá 6.500.000 đồng, số ma túy này bị cáo mua để bán lại cho người khác với mục đích kiếm lời. Trước khi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy khoảng một tuần, bị cáo có nói chuyện với Sông Thị Đ và Trương Trường G về việc bị cáo sẽ mua ma túy về để bán kiếm lời. Hai chiếc điện thoại bị thu giữ là hai chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với G, C, Đ khi mua bán ma túy. Đối với đèn chớp bị thu giữ bị cáo không đề nghị nhận lại.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Sông Thị Đ khai: Khoảng 16 giờ ngày 22/3/2023, S gọi điện thoại báo bị cáo vào trong phòng ngủ của S lấy trong con gấu bông 02 chỉ ma túy ke và lấy 02 viên ma túy kẹo từ G, khi nào C đến thì đưa cho C. Đến khoảng 16 giờ 30 phút thì C đi ô tô cùng 02 người đàn ông khác đến, lúc này S nhắn tin là S nhận được tiền rồi nên báo bị cáo đưa cho C 02 chỉ ma túy ke và 01 viên ma túy kẹo, sau đó S lại nhắn tin báo bị cáo cho C mượn một chiếc đèn chớp. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Công an đến kiểm tra, khám xét nơi ở của S, trước đó khoảng 01 tuần thì S có tâm sự với bị cáo là do không có tiền nên muốn bán ma túy để kiếm lời, việc S lấy ma túy về cất giấu lúc nào thì bị cáo không biết cho đến khi S điện báo bị cáo lấy ra đưa cho C thì bị cáo mới biết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trương Trường G khai:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/3/2023, Đỗ Ngọc S có liên lạc với bị cáo qua ứng dụng Messenger của Facebook, hỏi mua hai viên ma túy kẹo với giá 900.000 đồng và báo bị cáo cầm sang quán đưa cho S. Bị cáo về phòng trọ lấy 02 viên ma túy kẹo bọc vào giấy vệ sinh màu trắng rồi đi xe mô tô biển số 98F1-37134 mang 02 viên ma túy kẹo đến nhà trọ để đưa cho S. Khi đến nơi, do S không có nhà nên bị cáo đưa 02 viên ma túy kẹo cho Sông Thị Đ rồi đi về quán, còn sau đó S và Đ làm gì với 02 viên ma túy kẹo bị cáo không biết, 02 viên ma túy kẹo đã bán cho S do bị cáo đi xe mô tô đến cầu ĐG mua của một người đàn ông không quen biết vào trưa ngày 21/3/2023 với giá 800.000 đồng, mục đích mua ban đầu bị cáo để xăm hình cho đỡ đau nhưng sau đó do chưa dùng đến nên bị cáo đã bán lại cho S. Cách thời điểm bị bắt khoảng 01 tuần S có nói với bị cáo về việc S có ý định mua ma túy về bán để kiếm lời.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người làm chứng NLC2 khai: Khoảng gần 17 giờ 00 ngày 22/3/2023, C có nhắn tin và gọi điện rủ tôi đi phục vụ khách sử dụng ma túy tại khách sạn SM và nhờ tôi cầm giúp 01 viên ma túy kẹo mua của S. Sau khi C gọi, S có nói với tôi là tỳ đi làm với C thì mang luôn cho C 01 viên ma túy kẹo, khi tôi đang thay quần áo thì S để viên ma túy kẹo vào trong túi xách của tôi nhưng tôi không biết. Khi đi trên xe taxi, tôi gọi điện cho S thì S nói đã để 01 viên ma túy kẹo vào trong túi xách và bảo tôi mang đến cho C, khi đến khách sạn SM, C xuống trả tiền taxi và đưa tôi lên phòng, lên phòng được một lúc

thì tôi đưa cho C viên ma túy kẹo mà S đã đưa cho tôi, lúc này T bảo C đưa ma túy kẹo cho tôi sử dụng, C bẻ viên ma túy kẹo ra làm đôi, một nửa đưa cho tôi sử dụng, một nửa C để vào túi xách. Sau khi dùng ma túy kẹo tôi thấy trên bàn có đĩa đựng ma túy ke nên đã tự kẻ và sử dụng 02 đường rồi nằm nghỉ trên giường cùng anh NLC1, một lúc sau chị C cầm đĩa kẻ thêm 04 đường ma túy ke rồi tự sử dụng 02 đường, 02 đường còn lại chị C bảo tôi cầm đưa cho anh NLC1 sử dụng. Do hết ma túy trên đĩa nên chị C bảo tôi đi xào ma túy ke, do tôi không bóc được túi ma túy nên tôi nhờ anh NLC1 bóc hộ, anh NLC1 bóc xong đổ ra đĩa nhưng do phê ma túy nên chưa kịp đem đi xào thì bị Công an vào kiểm tra hành chính.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người làm chứng NLC1 khai: Khoảng hơn 16 giờ ngày 22/3/2023, T gọi điện rủ tôi sang khách sạn SM để sử dụng ma túy, sau đó T nhắn cho tôi qua ứng dụng Messenger trên facebook. Khi tôi đến phòng 508 khách sạn SM T đưa cho tôi 01 mảnh ma túy kẹo để tôi sử dụng, khoảng 19 giờ C hỏi mượn tôi 250.000 đồng nhưng không nói để làm gì rồi đi ra ngoài, khi quay lại C dẫn theo NLC2 vào phòng và kẻ đường ke đưa cho NLC2 sử dụng và bảo NLC2 đưa cho tôi sử dụng 02 đường ke. Sau khi dùng xong, do phê ma túy nên tôi không rõ những người khác dùng như thế nào, một lúc sau NLC2 nhờ tôi bóc hộ gói ma túy ke, tôi bóc đổ ra đĩa nhưng chưa ai kịp dùng thì bị công an bắt quả tang. Số tiền 250.000 đồng C mượn, tôi không yêu cầu C trả lại. Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho tôi điện thoại và các tài sản bị thu giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn Đ khai: Tôi là nhân viên lễ tân của khách sạn SM, khoảng 17 giờ 40 ngày 22/3/2023 Lê Anh T tới thuê phòng 508 nói là để nghỉ và hỏi mượn tôi 01 chiếc loa để nghe nhạc và 01 cái đĩa để gọt hoa quả, sau đó do hết ca làm nên tôi đi về nhà nên không biết về sự việc. Khi T thuê phòng, hỏi mượn loa và đĩa tôi không biết T mượn để sử dụng ma túy. Chiếc loa nhãn hiệu Bose là của tôi, tôi không yêu cầu nhận lại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn H khai: Tôi là quản lý khách sạn SM, việc cho khách thuê phòng tôi giao cho nhân viên lễ tân là anh Nguyễn Văn Đ, khi đó tôi đang tiếp khách ở nhà hàng nên không biết 04 đối tượng thuê phòng lúc nào. Khi công an bắt quả tang mời tôi chứng kiến tôi mới biết về sự việc. Tối ngày 22/3/2023 anh Đ cho phòng 508 mượn 01 cái loa là của Đ mang đến quầy lễ tân nghe nhạc, cái đĩa sứ là của khách sạn do tôi quản lý, tôi không yêu cầu nhận lại chiếc đĩa sứ trên.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vi Thị N khai: Tôi ở cùng phòng trọ với C, chiếc túi xách C mang đi là của tôi, còn việc C liên quan đến ma túy như thế nào tôi không biết. Tôi không đề nghị nhận lại chiếc túi trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đặng Thị D khai: Tôi là mẹ đẻ của Trương Trường G, sau khi bị bắt G

có nhờ tôi nộp số tiền 900.000 đồng do mua bán ma túy mà có. Tôi không yêu cầu G phải trả lại tôi số tiền trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Thị Quỳnh T khai: Tôi là em của bị cáo Đỗ Ngọc S, sau khi bị bắt anh S có nhờ tôi nộp số tiền 2.600.000 đồng do mua bán ma túy mà có. Tôi không yêu cầu anh S phải trả lại tôi số tiền trên.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 19 giờ 50 phút ngày 22/3/2023 tại phòng 508, khách sạn SM thuộc thôn D, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang xác định: Qua công tác kiểm tra hành chính phát hiện, bắt quả tang các đối tượng Lê Anh T, Nguyễn Thị C, NLC2, NLC1 đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tiến hành thu giữ 01 đĩa sứ trên mặt đĩa đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Anh T; 02 túi nilon màu trắng bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 đoạn ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng gắn với ba đầu lọc thuốc lá, bên trong tờ tiền có bám dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; thu giữ của Nguyễn Thị C 01 túi xách màu đen bên trong có một bọc giấy vệ sinh màu trắng chứa 01 mảnh viên nén màu nâu, 01 túi nilon màu trắng bên trong đựng chất bột màu vàng nghi là ma túy, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax màu vàng số IMEI 357266090514361; thu giữ của Lê Anh T 01 ví da màu nâu bên trong có 153.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone Xs màu vàng số IMEI 357202099657075 và 01 điện thoại Iphone 14 Pro màu đen số IMEI 356378584762835; thu giữ của NLC1 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 4.664.000 đồng, 01 căn cước công dân mang tên NLC1, 01 điện thoại SamsungGalaxy S10 màu đen số IMEI 355374106827363 và 01 điện thoại Iphone 12 ProMax màu xanh số IMEI 356731119762441; thu giữ của NLC2 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng; thu giữ 01 loa nhãn hiệu Bose, 01 loa nhãn hiệu Kasinua, 01 đèn chớp.

Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 21 giờ 05 phút ngày 22/3/2023 tại phòng số 508 khách sạn SM thuộc thôn D, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang xác định: Tiến hành niêm phong đồ vật, tài liệu liên quan gồm 01 túi nilon màu trắng có kí hiệu “QT1” bên trong có: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trên mặt đĩa đựng chất tinh thể màu trắng, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Anh T; 01 phong bì có kí hiệu “QT2” bên trong có: 02 túi nilon màu trắng bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, 01 đoạn ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng gắn với ba đầu lọc thuốc lá bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 phong bì có kí hiệu “QT3” bên trong có: 01 bọc giấy vệ sinh màu trắng bên trong đựng 01 mảnh viên nén màu nâu nghi là ma túy, 01 túi nilon màu trắng đựng chất bột màu vàng nghi là ma túy; 01 phong bì có ký hiệu “QT4” bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax màu vàng số IMEI 357266090514361 thu giữ của Nguyễn Thị C; 01 phong bì có ký hiệu “QT5” bên trong có 01 điện thoại di động Iphone Xs màu vàng số IMEI

357202099657075 và 01 điện thoại Iphone 14 Pro màu đen số IMEI 356378584762835 thu giữ của Lê Anh T; 01 phong bì có kí hiệu “QT6” bên trong có 01 điện thoại SamsungGalaxy S10 màu đen số IMEI 355374106827363 và 01 điện thoại Iphone 12 ProMax màu xanh số IMEI 356731119762441 thu giữ của NLC1; 01 phong bì có kí hiệu “QT7” bên trong có 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng thu giữ của NLC2.

Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 22 giờ 32 phút ngày 22/3/2023 tại chỗ ở của Đỗ Ngọc S thuộc TDP PL, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang xác định: Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Ngọc S tại cửa sổ phòng ngủ thu giữ 01 túi nilon màu cam bên trong đựng 01 bọc giấy màu trắng, bên trong bọc giấy đựng 01 viên nén màu nâu nghi là ma túy; trong con gấu bông tại phòng ngủ thu giữ 01 bọc giấy màu trắng, trong bọc giấy đựng 02 túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; trong túi quần bò treo trong phòng ngủ thu giữ 01 chiếc tất chân màu trắng, bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; tại ống nhựa góc nhà giáp phòng ngủ thu giữ 01 chiếc tất chân màu trắng, bên trong đựng 09 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; thu giữ của Đỗ Ngọc S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xám số IMEI 353918102099328; thu giữ của Chu Văn HN 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng số IMEI 013624001429010; thu giữ của Sông Thị Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus số IMEI 355734078227068; ngoài ra còn thu giữ tại phòng ngủ của Đỗ Ngọc S 01 con gấu bông và 01 quần bò.

Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 23 giờ 00 phút và 23 giờ 11 phút ngày 22/3/2023 tại nhà ở của Đỗ Ngọc S thuộc TDP PL, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang xác định: Tiến hành niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ gồm 01 phong bì ký hiệu “KX1” bên trong có: 01 bọc giấy vệ sinh màu trắng, bên trong đựng 01 viên nén màu nâu nghi là ma túy; 01 phong bì ký hiệu “KX2” bên trong có: 01 bọc giấy vệ sinh màu trắng, bên trong đựng 02 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 phong bì ký hiệu “KX3” bên trong có 01 chiếc tất chân màu trắng, bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 phong bì ký hiệu “KX4” bên trong có: 01 chiếc tất chân màu trắng, bên trong đựng 09 túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 phong bì ký hiệu “ĐT1” bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xám số IMEI 353918102099328 thu giữ của Đỗ Ngọc S; 01 phong bì ký hiệu “ĐT2” bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng số IMEI 013624001429010 thu giữ của Chu Văn HN; 01 phong bì ký hiệu “ĐT3” bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus số IMEI 355734078227068 thu giữ của Sông Thị Đ.

Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 10 giờ 30 phút ngày 23/3/2023 tại chỗ ở của Trương

Trường G, thuộc TDP Z, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang xác định: Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Trường G không phát hiện và thu giữ gì.

Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 23/3/2023 xác định: Thu giữ 01 điện thoại Iphone 11 ProMax, số IMEI 353887101712522, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, không gắn biển số xe, số khung RLHJA3921MY439562, số máy JA39E-2464769 của Trương Trường G.

Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 10 giờ 25 phút ngày 24/3/2023 tại chỗ ở của Trương Trường G thuộc TDP Z, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang xác định: 01 phong bì ký hiệu “ĐT4” bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11ProMax màu vàng gold số IMEI 353887101712522 thu giữ của Trương Trường G.

Biên bản, sơ đồ, bản ảnh xác định hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 13 giờ 00 phút ngày 28/3/2023 xác định: Nơi xảy ra vụ án tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là phòng 508, Tầng 5, khách sạn SM thuộc thôn D, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Biên bản, sơ đồ, bản ảnh xác định hiện trường do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực Quân đoàn 2 lập hồi 09 giờ 40 phút ngày 07/4/2023 xác định: Nơi xảy ra vụ án mua bán trái phép chất ma túy là tại chỗ ở của Đỗ Ngọc S thuộc TDP PL, thị trấn PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực - Quân đoàn 2 lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 25/4/2023 xác định: Kiểm tra điện thoại Iphone 14 Pro màu đen của Lê Anh T phát hiện có 03 cuộc gọi đi tới số thuê bao 0969362347 và cuộc hội thoại từ tài khoản facebook của Lê Anh T đến tài khoản facebook của NLC1 còn lưu trữ từ 17 giờ 04 phút ngày 22/3/2023; kiểm tra điện thoại Iphone Xs màu vàng của Lê Anh T có 01 cuộc gọi đi tới số thuê bao 0969362347 và cuộc hội thoại từ tài khoản facebook của Lê Anh T đến tài khoản facebook của NLC1 còn lưu trữ từ 17 giờ 04 phút ngày 22/3/2023 trùng với nội dung của tài khoản trên máy Iphone 14 Pro màu đen.

Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 07 giờ 30 phút ngày 28/3/2023 xác định: Kiểm tra điện thoại Iphone 11 ProMax của Đỗ Ngọc S phát hiện có các nội dung tin nhắn Messenger facebook liên quan đến việc mua bán ma túy giữa S với Nguyễn Thị C, có cuộc hội thoại giữa Đỗ Ngọc S và Trương Trường G và cuộc hội thoại giữa Đỗ Ngọc S và Sông Thị Đ liên quan đến việc S bảo Đ lấy ma túy đưa cho Nguyễn Thị C.

Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 11 giờ 00 phút ngày 27/3/2023 xác định: Kiểm tra điện thoại Iphone 6S Plus của Sòng Thị Đ phát hiện có cuộc gọi đến số điện thoại 0382723796 của Đỗ Ngọc S từ 16 giờ 11 phút đến 16 giờ 24 phút ngày 22/3/2023 và nội dung tin nhắn Messenger facebook liên quan đến việc S bảo Đ lấy ma túy đưa cho Nguyễn Thị C và tin nhắn giữa Đ và C liên quan đến việc C mượn đèn chớp của S.

Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 27/3/2023 xác định: Kiểm tra điện thoại Iphone XsMax của Nguyễn Thị C phát hiện có các cuộc gọi đến số điện thoại 0382723796 của Đỗ Ngọc S vào lúc 16 giờ 23 phút ngày 22/3/2023, có 02 hình ảnh chụp màn hình điện thoại nội dung chuyển khoản thành công số tiền 3.050.000 đồng lúc 16 giờ 25 phút và 450.000 đồng vào lúc 18 giờ 22 phút đến số tài khoản mang tên Đỗ Ngọc S, nội dung tin nhắn qua zalo với Lê Anh T; tin nhắn Messenger facebook với Đỗ Ngọc S liên quan đến việc mua bán ma túy và gọi NLC2 đi sử dụng ma túy.

Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 11 giờ 00 phút ngày 24/3/2023 xác định: Kiểm tra điện thoại Iphone 11 ProMax của Trương Trường G phát hiện có cuộc gọi Messenger facebook với tài khoản của Đỗ Ngọc S, có cuộc gọi đến của Đỗ Ngọc S đến số điện thoại của G và có hình ảnh chuyển số tiền 450.000 đồng của S chuyển cho G.

Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 12 giờ 15 phút ngày 23/3/2023 xác định: Kiểm tra điện thoại Iphone 7 Plus của NLC2 phát hiện có cuộc gọi đến số điện thoại 0382723796 của Đỗ Ngọc S vào lúc 18 giờ 16 phút ngày 22/3/2023, có nội dung tin nhắn facebook với Nguyễn Thị C liên quan đến việc C rủ NLC2 đến khách sạn SM để sử dụng ma túy.

Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực - Quân đoàn 2 lập hồi 08 giờ 30 phút ngày 21/4/2023 xác định: Kiểm tra điện thoại Iphone 12 Pro Max màu xanh của NLC1 không phát hiện nội dung liên quan; kiểm tra điện thoại Samsung Galaxy S10 màu đen của NLC1 có 04 cuộc gọi và cuộc hội thoại từ tài khoản facebook của Lê Anh T đến tài khoản facebook của NLC1.

Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 22 giờ 10 phút ngày 23/3/2023 xác định: Kiểm tra điện thoại Iphone 5S của Chu Văn HN không phát hiện nội dung gì liên quan đến vụ án.

Kết luận giám định số 544/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

Mẫu gửi giám định ký hiệu “QT1”: Chất tinh thể màu trắng đựng trên mặt đĩa sứ hình tròn, màu trắng là ma túy, khối lượng 0,448 gam, loại Ketamine.

Mẫu gửi giám định ký hiệu “QT2”: Chất tinh thể màu trắng bám dính trong 02 túi nilon màu trắng là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng; chất tinh thể màu trắng bám dính trong 01 đoạn ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng.

Mẫu gửi giám định ký hiệu “QT3”: Mảnh viên nén màu nâu đựng trong 01 gói giấy màu trắng là ma túy, khối lượng 0,248 gam, loại MDMA; chất bột màu vàng trong túi nilon màu trắng là ma túy, khối lượng 0,120 gam loại MDMA.

Mẫu gửi giám định ký hiệu “KX1”: 01 viên nén màu nâu đựng trong gói giấy màu trắng là ma túy, có khối lượng 0,380 gam, loại MDMA;

Mẫu gửi giám định ký hiệu “KX2”: Chất tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon màu trắng, được gói trong 01 gói giấy màu trắng là ma túy, khối lượng 0,822 gam, loại Ketamine;

Mẫu gửi giám định ký hiệu “KX3”: Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon màu trắng, đựng trong chiếc tất chân màu trắng là ma túy, khối lượng 0,550 gam, loại Ketamine;

Mẫu gửi giám định ký hiệu “KX4”: Chất tinh thể màu trắng trong 09 túi nilon màu trắng được đựng trong 01 chiếc tất chân màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng 5,225 gam, loại Ketamine.

Tìm thấy các chất MDMA, Norketamine và Dehydronorketamine là sản phẩm chuyển hóa của ma túy Ketamine trong nước tiểu của Lê Anh T, NLC1, NLC2; tìm thấy các chất Norketamine, Dehydronorketamine là sản phẩm chuyển hóa của ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị C, tìm thấy chất Dehydronorketamine là sản phẩm chuyển hóa của ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu của Đỗ Ngọc S.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSQSKV11 ngày 14/8/2023 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11 truy tố các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (BLHS); bị cáo Đỗ Ngọc S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 BLHS; các bị cáo Trương Trường G, Sông Thị Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS. Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, Điều 51 BLHS. Ngoài ra trong quá trình công tác bị cáo Lê Anh T có nhiều thành tích, được tặng nhiều giấy khen của đơn vị, có ông nội Lê Văn T1, ông ngoại Nguyễn Hữu Kh, bà ngoại Lê Thị H1

đều là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng nhiều huân, huy chương cũng là căn cứ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đỗ Ngọc S, Sông Thị Đ, Trương Trường G được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; bị cáo G có ông nội là Trương Công B1 được UBND tỉnh Quảng Trị trao tặng kỷ niệm chương chiến sỹ bảo vệ thành cổ Quảng Trị là căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đ, G.

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Đỗ Ngọc S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại các điểm b, e khoản 2 Điều 251 BLHS; các bị cáo Sông Thị Đ, Trương Trường G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính:

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Lê Anh T từ 5 năm 3 tháng đến 6 năm tù. Thời hạn tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù. Thời hạn tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng các điểm b, e khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc S từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù. Thời hạn tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Sông Thị Đ từ 2 năm đến 02 năm 6 tháng tù. Thời hạn tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Trương Trường G từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù. Thời hạn tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.500.000 đồng của bị cáo Đỗ Ngọc S; 900.000 đồng của bị cáo Trương Trường G là tiền các bị

cáo có được do hành vi bán trái phép chất ma túy mà có.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone Xs màu vàng số IMEI 357202099657075 chứa phôi sim có seri 8984048000035233884, 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro màu đen số IMEI 356378584762835 chứa phôi sim có seri 8984048000026003896 của bị cáo Lê Anh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax màu vàng số IMEI 357266090514361 chứa phôi sim có seri 89840509201211985661, 01 đoạn ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 loa nhãn hiệu Kasinua của Nguyễn Thị C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xám số IMEI 353918102099328 chứa phôi sim có seri 8984048851002733518, 01 đèn chớp của Đỗ Ngọc S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus số IMEI 355734078227068 chứa phôi sim seri 8984048000910617416 của Sòng Thị Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11ProMax màu vàng gold số IMEI 353887101712522 chứa phôi sim có seri 89840509201326352856 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh biển số 98F1-371.34, số khung RLHJA3921MY439562, số máy JA39E-2464769 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô số 98008338 của bị cáo Trương Trường G; 01 loa nhãn hiệu Bose của Nguyễn Văn Đ là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và do chủ sở hữu không nhận lại.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy: 01 bì ký hiệu “QT1” bên trong có 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trên mặt đĩa có chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, còn lại sau giám định 0,419 gam; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Anh T; 01 bì ký hiệu “QT2” bên trong chứa 02 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền xanh bám dính tinh thể màu trắng, 03 đầu lọc thuốc lá; 01 bì ký hiệu “QT3” bên trong chứa 01 bọc giấy vệ sinh màu trắng bên trong chứa 01 mảnh viên nén màu nâu; 01 túi nilon màu trắng một đầu rãnh khóa nhựa viền đỏ, bên trong chứa chất màu vàng; 01 bì ký hiệu “KX1” bên trong chứa 01 bọc giấy vệ sinh màu trắng bên trong chứa 01 mảnh viên nén màu nâu; 01 bì ký hiệu “KX2” bên trong chứa 02 túi nilon màu trắng có rãnh khóa nhựa viền xanh, chứa tinh thể màu trắng; 01 bì ký hiệu “KX3” bên trong chứa 01 chiếc tất màu trắng bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng, rãnh khóa nhựa viền xanh, chứa tinh thể màu trắng; 01 bì ký hiệu “KX4” bên trong chứa 01 chiếc tất màu trắng bên trong đựng 09 túi nilon màu trắng, rãnh khóa nhựa viền xanh, chứa tinh thể màu trắng; 01 con gấu bông, 01 quần bò, 01 túi xách da màu đen là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, không có giá trị và do chủ sở hữu không nhận lại.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Thị Quỳnh T, Đặng Thị D đã tự nguyện thay các bị cáo nộp lại số tiền có được do hành vi bán trái phép chất ma túy và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C, Đỗ Ngọc S, Trương Trường G nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Sông Thị Đ không có ý kiến gì, đề nghị người bào chữa trình bày lời bào chữa cho mình.

Người bào chữa cho bị cáo Sông Thị Đ, Trợ giúp viên pháp lý Hoàng Trọng N, Thân Văn L nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11 truy tố bị cáo Sông Thị Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 BLHS; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, khi phạm tội chưa đủ 18 nên việc hiểu biết và nhận thức về pháp luật còn hạn chế và không đầy đủ, có vai trò thấp nhất trong vụ án. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Sông Thị Đ từ 12 tháng đến 18 tháng tù, do bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Đặng Thị D, Đỗ Thị Quỳnh T nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Đổi đáp với ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Sông Thị Đ, Kiểm sát viên cho rằng, bị cáo Sông Thị Đ chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị truy tố về hành vi phạm tội có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ mà hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện nên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị trong lời luận tội. Ngoài ra, người bào chữa đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Sông Thị Đ do bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Cơ quan điều tra hình sự Khu vực - Quân đoàn 2; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 22/3/2023 do có ý định muốn sử dụng trái phép chất ma túy nên Lê Anh T đã rủ Nguyễn Thị C đi thuê khách sạn để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, được C đồng ý T đi đến khu vực cầu S, xã BD mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy MDMA với giá 200.000 đồng. Do nhận thấy lượng ma túy mua được không đủ để sử dụng nên T đã nhờ C mua giúp thêm ma túy. Theo yêu cầu của T, C đã liên hệ và mua của Đỗ Ngọc S 02 lần tổng cộng 02 chỉ ma túy Ketamine và 02 viên ma túy MDMA với giá 3.500.000 đồng. Trên đường đi T liên hệ rủ NLC1 cùng đi sử dụng ma túy. Do không có đủ lượng ma túy MDMA C hỏi mua nên S đã liên hệ với Trương Trường G mua 02 viên ma túy MDMA với giá 900.000 đồng và bảo G mang đến đưa cho Sòng Thị Đ, sau khi liên hệ với G, S dùng điện thoại liên hệ và bảo Đ lấy ma túy Ketamine do S cất giấu tại phòng ngủ và ma túy MDMA do Trương Trường G mang đến đưa cho C. Sau khi mua được ma túy, T, C đi đến khách sạn SM thuộc thôn D, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang thuê phòng để sử dụng ma túy, sau đó NLC1 và NLC2 đến cùng sử dụng ma túy. Đến 19 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Lê Anh T, Nguyễn Thị C, NLC2, NLC1 đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại kết luận giám định số 544/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang xác định, chất tinh thể màu trắng đã thu giữ tại phòng 508 khách sạn SM là ma túy, khối lượng 0,448 gam, loại Ketamine, các mảnh viên nén màu nâu, chất bột màu vàng là ma túy, tổng khối lượng là 0,368 gam, loại MDMA; các chất tinh thể màu trắng đã thu giữ tại nơi ở của Đỗ Ngọc S là ma túy, tổng khối lượng 6,597 gam, loại Ketamine, 01 viên nén màu nâu là ma túy, khối lượng 0,380 gam, loại MDMA. Các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C tổ chức cho bản thân và NLC1, Tạ Thị sử dụng trái phép chất ma túy nên thuộc trường hợp “Đối với hai người trở lên”, tại thời điểm sử dụng trái phép chất ma túy NLC2 mới 14 tuổi 6 tháng 25 ngày nên thuộc trường hợp “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”; bị cáo Đỗ Ngọc S mua ma túy của một người không quen biết và của bị cáo Trương Trường G 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lê Anh T và Nguyễn Thị C nên thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” nhờ NLC2 mang ma túy đến bán cho Nguyễn Thị C nên

thuộc trường hợp “Sử dụng người dưới 18 tuổi vào việc phạm tội”; bị cáo Sông Thị Đ giúp bị cáo Đỗ Ngọc S lấy ma túy bán cho bị cáo Lê Anh T và Nguyễn Thị C; bị cáo Trương Trường G thực hiện hành vi mua ma túy của một người không quen biết rồi bán lại cho Đỗ Ngọc S. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS, hành vi của bị cáo Đỗ Ngọc S đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 251 BLHS, hành vi của bị cáo Trương Trường G, Sông Thị Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Do đó đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C, Đỗ Ngọc S, Sông Thị Đ, Trương Trường G “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; trong quá trình điều tra các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, qua lời khai của bị cáo T, C Cơ quan điều tra đã kịp thời khám xét nơi ở và phát hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Đỗ Ngọc S, Sông Thị Đ, Trương Trường G nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS; ngoài ra trong quá trình công tác bị cáo Lê Anh T có nhiều thành tích, được tặng nhiều giấy khen của đơn vị; có ông nội Lê Văn T1, ông ngoại Nguyễn Hữu Kh, bà ngoại Lê Thị H1 là người có công với cách mạng được Nhà nước trao tặng nhiều huân, huy chương, bị cáo Sông Thị Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo Trương Trường G có ông nội là Trương Công B1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trao tặng kỷ niệm chương chiến sỹ bảo vệ thành cổ Quảng Trị đây cũng là căn cứ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Đối với hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là hành vi đồng phạm giản đơn, bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C đều là người thực hành, trong đó bị cáo T là người khởi xướng, bỏ tiền mua ma túy, tìm địa điểm để bán thân và Nguyễn Thị C, NLC1, NLC2 cùng sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo C; bị cáo Nguyễn Thị C là người thực hành tích cực, trực tiếp liên hệ với Đỗ Ngọc S để mua ma túy, rủ NLC2 đến cùng sử dụng ma túy, khi vào phòng 508 là người chuẩn bị chất ma túy cho cả nhóm sử dụng nên phải chịu trách nhiệm sau bị cáo T.

Đối với hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của Đỗ Ngọc S, Sông Thị Đ là hành vi đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Đỗ Ngọc S là người trực tiếp mua chất ma túy để bán lại cho người khác với mục đích kiếm lời, 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, số lượng ma túy để mua bán tương đối lớn nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo Đ, bị cáo Sông Thị Đ khi biết bị cáo Đỗ Ngọc S có hành vi mua bán trái phép chất ma túy không ngăn cản mà còn tự nguyện giúp sức cho bị cáo Đỗ Ngọc S bán trái phép chất ma túy cho Lê Anh T, Nguyễn Thị C, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; bị cáo Trương Trường G thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác với vai trò độc lập nên phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội đã thực hiện.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe con người, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn trong xã hội. Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. HĐXX xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù.

Các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội không vì mục đích tư lợi, lần đầu phạm tội nên HĐXX xét thấy có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung.

Do các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tù, hoàn cảnh gia đình khó khăn, trước khi phạm tội đa số không có thu nhập ổn định, bị cáo Sông Thị Đ khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Sông Thị Đ đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. HĐXX thấy rằng, bị cáo Đ chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mặc dù trước đó được bị cáo Đỗ Ngọc S nói chuyện về việc sẽ thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không ngăn cản mà tự nguyện giúp sức cho bị cáo Đỗ Ngọc S thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy, bị truy tố về hành vi phạm tội có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, hiện nay tội phạm ma túy đang diễn biến phức tạp, để lại nhiều hậu quả không tốt do vậy cần phải xử lý nghiêm minh nhằm nâng cao hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù là chưa tương xứng với chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện và yêu cầu đấu

tranh với loại tội phạm này trên thực tế. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt cao hơn mức hình phạt mà người bào chữa đã đề nghị, do trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa bị cáo không có đơn và hồ sơ đề nghị miễn án phí hình sự nên HĐXX không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[5] Đối với những người đã bán ma túy cho Đỗ Ngọc S, Trương Trường G, Lê Anh T do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý; đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi cho bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C thuê phòng, mượn đĩa, loa sau đó các bị cáo sử dụng vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên H, Đ không biết các bị cáo thuê phòng, mượn đĩa, loa để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét, xử lý; đối với NLC2 đã có hành vi giúp Đỗ Ngọc S bán trái phép chất ma túy cho Lê Anh T, Nguyễn Thị C, đưa ma túy cho NLC1 sử dụng có dấu hiệu của tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi NLC2 mới 14 tuổi 6 tháng 25 ngày nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về các hành vi này; đối với NLC1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên hành vi của NLC1 không cấu thành tội phạm nên bị áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng của bị cáo Trương Trường G; 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo Đỗ Ngọc S là tiền do các bị cáo phạm tội mà có. Ghi nhận bị cáo Trương Trường G đã tự nguyện giao nộp 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, bị cáo Đỗ Ngọc S đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án Quân khu 1 theo Biên bản làm việc do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực - Quân Đoàn 2 lập hồi 14 giờ 35 phút ngày 25/6/2023 và 08 giờ 30 phút ngày 26/6/2023, bị cáo Đỗ Ngọc S còn phải nộp 900.000 (chín trăm nghìn) đồng.

Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đặng Thị D, Đỗ Thị Quỳnh T không yêu cầu bị cáo Trương Trường G và Đỗ Ngọc S trả lại số tiền đã nộp thay cho các bị cáo nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone Xs màu vàng số IMEI 357202099657075 chứa phôi sim có seri 8984048000035233884, 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro màu đen số IMEI 356378584762835 chứa phôi sim có seri 8984048000026003896 của bị cáo Lê Anh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax màu vàng số IMEI 357266090514361 chứa phôi sim có seri 89840509201211985661, 01 đoạn ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 loa nhãn hiệu Kasinua của Nguyễn Thị C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xám số IMEI 353918102099328 chứa phôi sim có seri 8984048851002733518, 01 đèn chớp của Đỗ Ngọc S; 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone 6S Plus số IMEI 355734078227068 chứa phôi sim seri 8984048000910617416 của Sông Thị Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11ProMax màu vàng gold số IMEI 353887101712522 chứa phôi sim có seri 89840509201326352856 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh biển số 98F1-371.34, số khung RLHJA3921MY439562, số máy JA39E-2464769 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô số 98008338 của bị cáo Trương Trường G; 01 loa nhãn hiệu Bose của Nguyễn Văn Đ là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và do chủ sở hữu không nhận lại;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu trắng ký hiệu “QT1” bên trong có 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trên mặt đĩa có chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, còn lại sau giám định 0,419 gam; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Anh T; 01 bì ký hiệu “QT2” bên trong chứa 02 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền xanh bám dính tinh thể màu trắng, 03 đầu lọc thuốc lá; 01 bì ký hiệu “QT3” bên trong chứa 01 bọc giấy vệ sinh màu trắng bên trong chứa 01 mảnh viên nén màu nâu; 01 túi nilon màu trắng một đầu rãnh khóa nhựa viền đỏ, bên trong chứa chất màu vàng; 01 bì ký hiệu “KX1” bên trong chứa 01 bọc giấy vệ sinh màu trắng bên trong chứa 01 mảnh viên nén màu nâu; 01 bì ký hiệu “KX2” bên trong chứa 02 túi nilon màu trắng có rãnh khóa nhựa viền xanh, chứa tinh thể màu trắng; 01 bì ký hiệu “KX3” bên trong chứa 01 chiếc tất màu trắng bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng, rãnh khóa nhựa viền xanh, chứa tinh thể màu trắng; 01 bì ký hiệu “KX4” bên trong chứa 01 chiếc tất màu trắng bên trong đựng 09 túi nilon màu trắng, rãnh khóa nhựa viền xanh, chứa tinh thể màu trắng; 01 con gấu bông, 01 quần bò, 01 túi xách da màu đen là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, không có giá trị và do chủ sở hữu không nhận lại theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 19 giờ 50 phút ngày 22/3/2023 tại khách sạn SM; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 21 giờ 05 phút ngày 22/3/2023; Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 22 giờ 32 phút ngày 22/3/2023 tại nơi ở của Đỗ Ngọc S; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 23 giờ 00 phút và 23 giờ 11 phút ngày 22/3/2023; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 23/3/2023; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 10 giờ 25 phút ngày 24/3/2023.

Ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho Chu Văn HN 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng, số IMEI 013624001429010; trả lại cho NLC2 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, số IMEI 359177077617838 bên trong chứa sim số sery 8984048000036712103; trả lại cho Cao Thị H2 là vợ bị cáo Lê Anh T 01 chứng minh nhân dân số 122124979 mang

tên Lê Anh T, 01 ví da màu nâu, số tiền 153.000 đồng; trả lại cho NLC1 01 ví da màu đen, số tiền 4.664.000 đồng, 01 căn cước công dân mang tên NLC1, 01 điện thoại Samsung Galaxy S10 màu đen số IMEI 355374106827363 và 01 điện thoại Iphone 12 ProMax màu xanh số IMEI 356731119762441 đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C, Đỗ Ngọc S, Trương Trường G, Sông Thị Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Đỗ Ngọc S, Sông Thị Đ, Trương Trường G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS xử phạt các bị cáo Lê Anh T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, Nguyễn Thị C 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 23/3/2023).

Áp dụng các điểm b, e khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 23/3/2023).

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58; Điều 90; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo Sông Thị Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 23/3/2023).

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Trương Trường G 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 23/3/2023).

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng của bị cáo Trương Trường G; 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo Đỗ Ngọc S là tiền do các bị cáo phạm tội mà có. Ghi nhận bị cáo Trương Trường G đã tự nguyện giao nộp 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, bị cáo Đỗ Ngọc S đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.600.000 (hai triệu sáu trăm

ngàn) đồng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án Quân khu 1 theo Biên bản làm việc do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực - Quân Đoàn 2 lập hồi 14 giờ 35 phút ngày 25/6/2023 và 08 giờ 30 phút ngày 26/6/2023, bị cáo Đỗ Ngọc S còn phải nộp 900.000 (chín trăm ngàn) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone Xs màu vàng chứa phôi sim, 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro màu đen chứa phôi sim của bị cáo Lê Anh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax màu vàng chứa phôi sim, 01 đoạn ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 loa nhãn hiệu Kasinua của bị cáo Nguyễn Thị C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xám chứa phôi sim, 01 đèn chớp của bị cáo Đỗ Ngọc S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus chứa phôi sim của bị cáo Sòng Thị Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11ProMax màu vàng chứa phôi sim, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wavealpha màu xanh biển số 98F1-371.34 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô của bị cáo Trương Trường G; 01 loa nhãn hiệu Bose của Nguyễn Văn Đ là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và do chủ sở hữu không nhận lại;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon ký hiệu “QT1” bên trong có 01 đĩa sứ trên mặt đĩa có chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, còn lại sau giám định 0,419 gam; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Anh T; 01 bì ký hiệu “QT2” bên trong chứa 02 túi nilon bầm dính tinh thể màu trắng, 03 đầu lọc thuốc lá; 01 bì ký hiệu “QT3” bên trong chứa 01 bọc giấy vệ sinh bên trong chứa 01 mảnh viên nén màu nâu; 01 túi nilon bên trong chứa chất màu vàng; 01 bì ký hiệu “KX1” bên trong chứa 01 bọc giấy vệ sinh bên trong chứa 01 mảnh viên nén màu nâu; 01 bì ký hiệu “KX2” bên trong chứa 02 túi nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng; 01 bì ký hiệu “KX3” bên trong chứa 01 chiếc tất màu trắng bên trong đựng 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng; 01 bì ký hiệu “KX4” bên trong chứa 01 chiếc tất bên trong đựng 09 túi nilon chứa tinh thể màu trắng; 01 con gấu bông, 01 quần bò, 01 túi xách da màu đen là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, không có giá trị và do chủ sở hữu không nhận lại theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 19 giờ 50 phút ngày 22/3/2023 tại khách sạn SM; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 21 giờ 05 phút ngày 22/3/2023; Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 22 giờ 32 phút ngày 22/3/2023 tại nơi ở của Đỗ Ngọc S; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 23 giờ 00 phút và 23 giờ 11 phút ngày 22/3/2023; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 23/3/2023; Biên

bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang lập hồi 10 giờ 25 phút ngày 24/3/2023.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Thị C, Đỗ Ngọc S, Sòng Thị Đ, Trương Trường G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/10/2023), các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 1./.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT/TAQSTW;
- Phòng TTTL và Qlý.LLTP/TAQSTW;
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV11;
- CQTHAHSQK1 (05b);
- PTHAQK1;
- CQĐTHSKV-QĐ2;
- Trại TGQK1 (5b);
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL, NVLQĐVA;
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS; K32b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

1// Nguyễn Trung Kiên